

LƯU Ý: HS GHI VÀO VỞ BÀI HỌC SỐ VÀ ĐẠI SỐ**BÀI 8: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9****1. Dấu hiệu chia hết cho 9**

$$\begin{aligned}
 378 &= 3.100 + 7.10 + 8 \\
 &= 3.(99 + 1) + 7.(9 + 1) + 8 \\
 &= 3.99 + 3 + 7.9 + 7 + 8 \\
 &= \underbrace{(3 + 7 + 8)}_{\text{Tổng các chữ số}} + \underbrace{(3.11 + 7).9}_{\text{Số chia hết cho 9}}
 \end{aligned}$$

Nhận xét: Mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.

Ví dụ 1: Trong các số sau, số nào chia hết cho 9, số nào không chia hết cho 9?

621; 1205; 1327; 6354

Số chia hết cho 9 là: 621; 6354

Số không chia hết cho 9 là: 1205; 1327.

2. Dấu hiệu chia hết cho 3

$$\begin{aligned}
 231 &= 2.100 + 3.10 + 1 \\
 &= 2.(99 + 1) + 3.(9 + 1) + 1 \\
 &= 2.99 + 2 + 3.9 + 3 + 1 \\
 &= \underbrace{(2 + 3 + 1)}_{\text{Tổng các chữ số}} + \underbrace{(3.11.3 + 7.3).3}_{\text{Số chia hết cho 3}}
 \end{aligned}$$

Nhận xét: Mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 3.

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.

TH2: Trong hai số 315 và 418, số nào chia hết cho 3

Trong hai số 315 và 418, số 315 chia hết cho 3.

LƯU Ý: HS LÀM BÀI TẬP VÀO VỞ BÀI TẬP SỐ VÀ ĐẠI SỐ**BÀI TẬP VỀ NHÀ: 1,2/SGK/27****LUYỆN TẬP****Bài 1.** Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp đó :

$$A = \{x \in N \mid x \leq 6\}$$

$$B = \{y \in N \mid 15 < y < 20\}$$

Bài 2. Viết các tập hợp sau bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp?

a) Tập hợp X các số tự nhiên lớn hơn 0 và nhỏ hơn hoặc bằng 4 ?

b) Tập hợp X các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 5 và nhỏ hơn 10?

Bài 3. Viết tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn 3 và nhỏ hơn 15 bằng 2 cách, sau đó điền ký hiệu $\in; \notin$ thích hợp vào ô trống:

$$1 \square M$$

$$2 \square M$$

$$13 \square M$$

$$a \square M$$

$$14 \square M$$

$$15 \square M$$

Bài 4. Thực hiện phép tính

a) $2^4 - 50 : 25 + 13.7$

b) $97.36 + 97.64$

c) $2 \cdot [(195 + 35 : 7) : 8 + 195] - 300$

d) $3^4 \cdot 6 - [131 - (15 - 9)^2]$

Bài 5. Tìm x

a) $5 \cdot (x + 15) = 5^3$

b) $27 \cdot (x - 16) = 27$

c) $2x + 5 = 3^3$

d) $3^x = 81$

Bài 6. Trong các số 333; 354; 360; 2457; 1617; 152 số nào chia hết cho 9?**Bài 7.** Không tính xét tổng (hiệu) có chia hết cho 7 không?

a) $56 + 63$

b) $84 - 47$

c) $7^2 + 1.3.5.7.9$

Bài 8. Cho $A = 12 + 15 + 36 + x$, x là số tự nhiên. Tìm điều kiện của x để

- a) A chia hết cho 3
- b) A không chia hết cho 9

LƯU Ý: HS chọn đáp án A,B,C,D trên đề.

NỘI DUNG TRẮC NGHIỆM BÀI 4 VÀ BÀI 5

Câu 1: Chọn câu sai

- A. $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$
- B. $a^m : a^n = a^{m-n}$ với $m \geq n$ và $a \neq 0$
- C. $a^0 = 1$
- D. $a^1 = 0$

Câu 2: Viết gọn tích 4.4.4.4.4 dưới dạng lũy thừa ta được

- A. 4^5
- B. 4^4
- C. 4^6
- D. 4^3

Câu 3: Tích 10.10.10.100 được viết dưới dạng lũy thừa gọn nhất là:

- A. 10^5
- B. 10^4
- C. 100^2
- D. 20^5

Câu 4: Tính giá trị của 2^6 ta được?

- A. 32
- B. 64
- C. 16
- D. 128

Câu 5: Viết tích $a^4.a^6$ dưới dạng một lũy thừa ta được

A. a^8

B. a^9

C. a^{10}

D. a^2

Câu 6: Chọn đáp án đúng?

A. $5^2.5^3.5^4=5^{10}$

B. $5^2.5^3:5^4=5$

C. $5^3:5=5$

D. $5^1=1$

Câu 7: Tìm số tự nhiên n thỏa mãn $4^n=4^3.4^5$?

A. $n = 3$

B. $n = 16$

C. $n = 8$

D. $n = 4$

Câu 8: Kết quả của phép toán $2^4-50:25+13.7$ là:

A. 100

B. 95

C. 105

D. 80

Câu 9: Giá trị của biểu thức $2.[(195 + 35:7):8 + 195] - 300$ bằng:

A. 40

B. 60

C. 80

D. 140

Câu 10: Kết quả của phép tính $3^4 \cdot 6 - [131 - (15 - 9)^2]$ là:

- A. 319
- B. 931
- C. 193
- D. 391

Câu 11: Tìm giá trị của x thỏa mãn $165 - (35 : x + 3) \cdot 19 = 13$.

- A. $x = 7$
- B. $x = 8$
- C. $x = 9$
- D. $x = 10$

Câu 12: Số tự nhiên x thỏa mãn $5 \cdot (x + 15) = 5^3$

- A. $x = 9$
- B. $x = 10$
- C. $x = 11$
- D. $x = 12$